

表一. 按血緣分組之佳冬杏林世家醫業族人名單, 及其親屬關係(圖"号", "註"其台灣外"職業教育-工作地"(國家縮寫, 見本文)(P組同行妻緊跟後). ID no. 有框的, 2015後新增.

(p2, Rd'18, Table 2. 4-1-'18)

p. 2

Table 1. A list of Jiadong's Medical Family's medical members by kinship. With kinship chart ID & prof. school-work countries (abbr., see text) (Grp P same field spouse together).																					
ID no.	姓名 Name (Last name first)	圖	註	M9	楊幹雄	*	Yang, Jason	1:5	N19a	張家昌	#	Zuo, Cha-cha	3:11	Nd17	張聖武	Chang, Sheng-wu	12				
I. P 組. 主醫業-林姓後代及其近親@.																					
Grp P. Main medical (M9): Lin's male & close kin@																					
I-1. 醫師 MD: (* 有林家居With Lin's gene)																					
				M10	張伯嘉	*	Zan, Po-san	1:6	N19b	羅大桓	#	Luo, Ta-xuan	3:11	Nd18	高春望	Kau, Chung-wan	12				
				M11	楊慶泰	*	Yang, Ching-tai	1:6;7	T-U	N19c	李奇音	#	Lee, Judy Chi-yin	12	Nd19	張芳銘	Chang, Fan-min	12			
				M12	黃致孝	*	Huang, Morgan C	1:6	U-U	N19d	羅芳森	#	Lo, Fan-sen	11	III-3. 醫學有關博士/教師/研究 Med-PhD/faculty:						
P0	林國培	*		M13	曾文盛	*	Tzeng, Wen-sheng	1:3		N20a	楊協	#	Yang, Hsei	7	Np1	蔡源煌	Tsai, Yuan-hwang	7	T-U		
P1	林恩來	*		M13a	曾榮元	*	Tzeng, Fan-yen	1:3		N20b	楊省三	#	Yang, Sing-san	7	T-U	Np2	陳煒富	Chen, Wei-fu	9	J-T	
P2	林其樹	*		M13b	賴芳泰	*	Lai, Fan-tai	1:3	P-U	N20c	楊健志	#	Yang, Gen-zu	7		Np3	許鳳音	Hsu, Lan-yin	9	U-T	
P3	林其堯	*		M14	楊敏文	*	Yang, Min-wen	1:2;6		N20d	楊俊誠	#	Yang, Jun-chen	7	J-J	Np4	陳啟武	Chen, Qi-wu	9		
P4	林其堯	*		M15	鍾信民	*	Chung, Simon Sin-mir	1:4	U-U	N20e	戴哲夫	#	Tai, Zu-fu	7	T-J	Np5	阮文圖	Du, Wen-yuen	9		
P5	林其謙	*		M16	鍾啟光	*	Chung, Kevin Chi-kuang	1:4	U-U	N20f	蔡	#	Tsai, Eugene C	7	U-U	Np6	徐成金	Hsu, Chung-qin	9		
P6	林其芹	*		M17	鍾啟輝	*	Chung, Keith Chi-fei	1:4	U-U	N20g	蔡	#	Lai, Amy L	7	U-U	Np7	張峰紫	Chang, Fown-tzu	12	J-T	
P7	林其瑤	*		M18	陳嘉齡	*	an, Claudette Chia Lynn	1:4	U-U	N20h	蔡	#	Tsai, Charles E	7	U-U	Np8	徐慧明	Hsu, Hui-min	9	U-U	
P8	林其達	*		M19	羅馨香	*	Lo, Shin-shiang	1:4	B-B	N20i	蔡朝榮	#	(N20h Tsai's wife)	7	U-U	Np9	蔡佩珊	Hsu, Pei-san	12	U-U	
P9	林其聲	*		M20 ?	張朝榮	*	Zan, Chao-lun	1:4		N20j	戴仕惠	#	Tai, Jia-fei	7		Np10	廖榮利	Liao, Long-li	12	T-U	
P10	林苑香	*		M21	鍾啟禮	*	Chung, Chi-li	1:4		N20k	陳昱彤	#	Chen, Yu-tung	7		Np11	蘇力, 力夫	Saul, Leif	12	U-U	
P11	林增香	*		M22 ?	徐盛志	*	Hsu, Soon-zu	1:5;9	J-J	N20m	陳昭麗	#	Chen, Chao-li	12; 13	IV. H 組. 其他醫業. Grp H. Other healthcare						
P12	林世香	*		M23 ?	徐美和	*	Hsu, Mei-ho	1:5;9	J-J	N20n	許林文	#	Hsu, Lin-wen	12; 13		H1	謝秋蓉	Hsieh, Chiu-lun	2		
P13	林劍香	*		M24	楊弘州	*	Yang, Hun-zuo	1:5		N21	楊阿達	#	Yang, A-len	6		H2	林光烈	Lin, Kuan-lei	2		
P14	林發香	*		M25 ?	劉昱祺	*	Liu, Yi-qi	1:5		N22a	楊友香	#	Yang, Yu-xian	6	J-T	H3	林欣容	Lin, Hsin-lun	5		
P15	林宜香	*		M26 ?	劉鄧儀	*	Liu, Jun-yi	1:5		N22b	楊俊彥	#	Yang, Jeff Jyun-yen	6		H4	楊瑞琳	Yang, Wan-lin	2;6		
P16	林美香	*		M27	楊將羣	*	Yang, John	1:5		N22c	賴麗川	#	Yang, Li-chuan	6		H5	楊朝麟	* Yang, Jao-lin	3		
P17	林達香	*		M28	廖恩梅	*	Liao, Amy	1:5	U-	N22d	賴鴻鳴	#	Lai, Hun-min	6	T-U	H6	林廷妹	* Lin, Tin-mei	3		
P18	林逢香	*		M29	藍顯輝	*	Land, Michael Henry	1:5	U-U	N22e	賴樹香	#	Lai, Soo-xian	6		H7	涂貴霞	* Tu, Kuei-mei	3	U-U	
P19	林澄香	*		M30	張明志	*	Zan, Min-zu	1:6		N23	邱仕榮	#	Chiu, Shih-jung	5		H8	巫郁霞	* Wu, Yuh-shya	3	T-U	
P20	林美香	*		M31	張科	*	Chang, Ko	1:6		N23a	邱紹晃	#	Chiu, Shao-huang	5	T-U	H8a	巫瑞霞	* Wu, Rosa	3	T-U	
P21	林飄香	*		M32	葉明勳	*	Yeh, Min-xiun	1:6		N23b	馬家珍	#	Matjasko, Martha Jane	5	U-U	H9	邱秀香	* Chiu, Hsin-hsing	3	T-U	
P22	林富香	*		M33	楊瀚	*	Young, Michael han	1:6	U-U	N23c	邱鳳英	#	Chiu, Feng-ying	5	U-U	H10	邱志敬	* Chiu, Chung-tsin	3	U-U	
P24	林景三	*		M34	楊多多	*	Young, Lily	1:6	U-U	N23d	邱德偉	#	Chiu, David	5	U-U	H11	林棟英	* Lin, Tung-ying	3		
P26	林明香	*		M35	張允亮	*	Zan, Yun-ran	1:6		N23e	邱德賜	#	Chiu, Yun-xi	5		H12	林美英	* Lin, Mei-ying	3		
P28	林國光	*		M36	林治揚	*	Lin, Zu-yan	1:6		N23f	邱雲鵠	#	Chiu, Yun-kau	5		H13	忻麗玲	* Hsin, Nora	3	U-U	
P29	林祖權	*		M37	徐維謙	*	Hsu, Wei-chen	1:3;9		N23g	邱雲福	#	Chiu, Yun-fu	5		H14	呂孟穎	* Lu, Ming-ling	3		
P30	林祖權	*		M38	江仰仁	*	Chiang, Yan-ren	1:3;9		N24	蕭開平	#	Shaw, Kai-pin	8		H15	羅秋蓮	* Lo, Chiu-lien	3		
P31	林寅雄	*		M39	何昇遠	*	Ho, Stanford Shen-yun	1:4	U-U	N24a	蕭恩聰	#	Hsiao En-xian	8	J-T	H16	許慧珍	* Hsu, Fei-zn	3		
P32	林祖功	*		M40	李淑儀	*	Lee, Suo-yi	1:4	U-U	N24b	蕭秀利	#	Hsiao Xiu-li	8	J-T	H17	羅麗月	* Lo, Lian-yueh	3; 11		
PsP1	林淑貞	*		M41	羅少甫	*	Lo, Sao-pu	11		N24c	蕭秀河	#	Hsiao Xiu-ho	8	J-T	H18	羅麗嬌	* Lo, Lian-chao	3; 11		
P33	林純英	*		MsP2	楊友登	*	Yang, Yu-tn	1:6	J-T	N24d	蕭道憲	#	Hsiao Tao-ing	8		H18a	羅麗莉	* Lo, Liang-li	3; 11		
P34	林純英	*		MsP3	徐來興	*	Hsu, Lai-xin	1:5;9		N24e	蕭長雄	#	Hsiao, Chan-xiun	8	J-T	H18b	羅麗佳	* Lo, Mei-cha	11		
P35	林豪明	*		MsP4	楊漢生	*	Yang, Han-sen	1:5	J-T	N30	張慶展	#	Zan, Qin-zn	6		H19	林宇妹	* Lin, Yu-mei	3		
PsP5	胡愛玲	*		MsP5	劉紹興	*	Liu, Sao-xin	1:5	J-T	N31	張銀堂	#	Zan, Yun-tan	6		H20	林秀雄	* Lin, Henry Shioh-shyong	4		
P36	林英明	*		MsP6	楊進龍	*	Yang, Jin-long	1:5		N32	徐傍興	#	Hsu, Pan-xin	9		H21	戴明嬌	* Tai, Min-jao	4		
PsP6	林愛玲	im		MsP7	鍾秉常	*	Chung, Pin-chan	1:4	T-U	N32a	林己生	#	Lin, Yi-sen	9		H22	林雪珍	* Lin, Yuki	5	U-U	
P37	林愛玲	*		MsP8	Wang, Lawrence	Chao-ping	4	?	?	N32b	徐富興	#	Hsu, Fu-xin	9	J-T	H23	林祖繩	* Lin, Tzu-sen	5	J-J	
P38	林秀惠	*		MsP9	何啟榜	*	Ho, Chi-pang	4	T-U	N32c	徐貴興	#	Hsu, Kei-xin	9	J-T	H24	林筱容	* Lin, Sharon Shiao-jung	5	U-U	
P39 ?	林輝明	*		MsP10	藍國忠	*	Lan, Kuo-chung	1:2		N32d	陳新炳	#	Chen, Xin-pin	9		H25	賴清江	* Lai, Qin-qing	5		
P40 ?	林秀明	*		MsP11	江季勛	*	Chian, Qi-siun	9		N32e	李瑞昌	#	Lee, Ray-chan	9		H26	黃惠英	* Yang, Whei-ying	5	T-U	
P42	林紀久	*		MsP12	邱燕坤	*	Chiou, Yahn-kun	3	T-U	N32f	廖內培	#	Liao, pin-lun	9		H27	尤惠玲	* Yu, Fei-lin	6		
P43	林堂烈	*		MsP13	李仕昌	*	Lee, Anthony Alfonso	4	U-U	N32g	林玉文	#	Lin, Jame Yuh	9	T-U	H28	劉美玉	* Liu, Marlene	6	T-U	
PsP2	林逸甄	*		MsP14	魯蒙, 馬可斯二世	Drumond, Marcos, Jr	4; 11	B-B		N32h	林子文	#	Lin, Zu-wen	9		H29	鄭祥妹	* Zn, Xian-mei	7		
P44	林鑫烈	*		MsP15	法理亞斯, 瑪利列亞	Farias, Marileia	4; 11	B-B		N32i	陳宜冠	#	Chen, ni-kuan	9		H30	楊信妹	* Yang, Sin-mei	7		
P45	林秀月	*		MsP16	郭麗琳	*	Kuo, Li-lin	11		N32j	陳宜豐	#	Chen, Ni-Fun	9		H31	楊令妹	* Yang, Rin-mei	7	T-U	
P46	林宏立	*		MsP17	鍾雲喜	*	Chung, Yun-xi	5		N32k	宋祥昇	#	Sung, Sun-xian	9		H32	楊良珠	* Yang, Lian-zu	7		
P47	林宏傑	*		MsP18	林森塘	*	Lin, Sei-tan	6		N32l	徐日陣	#	Hsu, Tan-lin	9		H33	楊朝榮	* Yang, Chao-sung	7		
PsP3	焦秀香	*		MsP19	黃俊生	*	Huang, Tsun-sheng	6		N32m	徐於苑	#	Hsu, Yi-tu	9	T-U	H34	楊周周	* Yang, Bi-zo	7		
P48	林義傑	*		MsP20	馮世源	*	Feng, Angela S	6	U-U	N32n	徐齊勝	#	Hsu, Chi-lin	9		H35	楊百玲	* Yang, Bai-lin	7	J-J	
P49	林義凱	*		MsP21	簡捷, 羅林	*	Sanchez, Lorin M	6	U-U	N32o	徐順麟	#	Hsu, Soon-lin	9		H36	楊素英	* Yang, Su-yin	7		
P50	林如珊	*		MsP22	王凱弘	*	Wang, Kyne Martin	5	U-U	N32p	徐錫麟	#	Hsu, Shi-lin	9	J-T	H37	張美英	* Zan, Mei-yin	7		
P51	林曉珊	*		MsP23	張進富	*	Zan, Qin-fu	9		N32q	陳建玉	#	Chen, Jen-yu	9		H38	楊碧霞	* Yang, Bi-shya	7		
P52	林茂隆	*		MsP24	鍾炳仁	*	Chung, Pin-ren	6	J-T	N32r	徐美英	#	Hsu, Mei-yin	9		H39	吳鵬雲	* Wu, Pun-yun	7	K-J	
P53	林修竹	*		MsP25	龔明宣	*	Kung Liz Min-xen	5		N32s	徐志志	#	Hsu, Zn-zu	9		H40	葉麗華	* Yeh, Lan-fa	7		
P54	林慧如	im		II-2. 牙醫師 dentist:						N32t	李建文	#	Lee, Jen-wen	9		H41	吳滿津	* Wu, Man-qin	7		
PsP4	周明敦	*		U-U	Md1	羅盛憲	*	Lo, Sn-xen	1:2		N32u	張文義	#	Zan, Wen-cha	9		H42	陳慧嫻	* Chen, Fei-xien	7	
P55	林幼儀	*		U-U	Md2	賴耀禮	*	Lai, Yau-li	1:6		N32v	宋	#	Sung, Amy	9	U-U	H43	蕭舜香	* Hsiao, zun-xian	8	
P56	林士一	*		U-U	Md3	吳偶	*	Wu, Jun	1:2		N32w	徐英得	#	Hsu, Yin-to	9	U-U	H44	楊雲珍	* Hsu, Yun-zn	9	
P57	林悅烈	*		U-U	Md4	楊台灣	*	Yang, Andrew Taiwan	1:6	U-U	N32x	徐培登	#	Hsu, Pei-tn	9	U-U	H45	林漢志	* Lin, Pin-zu	9	
P58	林悅容	*		U-U	Md5	謝銘	*	Hsei, Lun	1:6		N32y	徐空登	#	Hsu, Li-nen	9	U-U	H46	徐平志	* Hsu, Pin-zu	9	
P59	林瑜烈	*		U-U	Md6	黃啟新	*	Huang													